

Bản án số: **373/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Minh Thu;**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Phan Thị Thúy Hà**

**Bà Vũ Thị Thanh Hương**

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Khánh Linh** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm: **Bà Phong Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị N.T.N, sinh năm 1982;

**Bị đơn:** Anh N.H.S, sinh năm 1975;

Cùng ĐKKHKT và trú tại: Số 51 ngõ 75 đường Y, tổ dân phố số 2, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa: Chị N.T.N, anh N.H.S có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2022 và trong các lời khai, nguyên đơn chị N.T.N trình bày:**

Về tình cảm: Chị và anh N.H.S xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Từ Liêm (nay là UBND phường X, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội ngày 8/12/2003 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại số 51 ngõ 75 đường Y, tổ dân phố số 2, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 02 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh N.H.S cờ bạc, lô đề, chính quyền địa phương, gia đình nội ngoại đã can thiệp và hòa giải. Năm 2017,

chị đã làm đơn xin ly hôn anh N.H.S đến Tòa án nhưng sau đó rút đơn về. Vợ chồng chị sống ly thân nhiều lần, lần gần nhất ly thân cách đây 01 năm. Chị không còn tình cảm và không thể sống chung với anh N.H.S, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.H.S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, anh N.H.S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hiện chị đang làm việc tại Công ty TNHH Bar Ông Say, thu nhập là 10 triệu đồng/tháng và đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn anh N.H.S trình bày như sau:** Anh nhất trí với lời trình bày của chị N.T.N về điều kiện kết hôn và thời điểm kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại Số 51 ngõ 75 đường Y, tổ dân phố số 2, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 02 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thời điểm đó nhỏ nhất, do lời ăn tiếng nói của hai vợ chồng. Khoảng năm 2021, vợ chồng anh cãi nhau nhiều hơn do anh chơi cờ bạc, lô đề. Khoảng 03 tháng gần đây thì anh không chơi lô đề nữa. Vợ chồng anh sống ly thân nhiều lần, lần gần nhất cách đây 01 năm. Năm 2017, vợ chồng cũng đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó anh rút đơn về. Anh mong muốn được sửa chữa lỗi lầm, mong muốn gia đình không tan vỡ, các con có bố mẹ, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng là anh sẽ quan tâm đến gia đình và không chơi lô đề, cờ bạc nữa.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị N.T.N được nuôi dưỡng cả 02 con và đồng ý với yêu cầu của chị N.T.N cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hiện anh đang tìm công việc mới.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương nơi chị N.T.N và anh N.H.S sinh sống cung cấp: Chị N.T.N và anh N.H.S đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội ngày 8/12/2003. Chị N.T.N và anh N.H.S sinh sống tại địa chỉ: Số 51 ngõ 75 đường Y, tổ dân phố số 2, phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Về mâu thuẫn giữa chị N.T.N và anh N.H.S đã được hòa giải qua tổ dân phố. Nguyên nhân do anh N.H.S chơi cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng mâu thuẫn. Chị N.T.N xin ly hôn anh N.H.S đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị N.T.N và anh N.H.S có 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017. Trường hợp anh chị giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản chung, nợ chung của chị N.T.N anh N.H.S, địa phương không nắm được.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Nguyên đơn - chị N.T.N giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh N.H.S và đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017 để chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N.H.S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng anh N.H.S có nguyện vọng cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng/tháng với mỗi cháu, kể từ tháng 9 năm 2022 chị cũng đồng ý. Về phần tài sản chung, công nợ chung anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Anh N.H.S không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017 để chị N.T.N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2022. Về phần tài sản chung, công nợ chung anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.T.N; Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị, giao 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017 để chị N.T.N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của anh N.H.S đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Chị N.T.N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N.T.N và anh N.H.S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Y, huyện Từ Liêm (nay là UBND phường X, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội ngày 8/12/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện chị N.T.N và anh N.H.S có hộ khẩu thường trú và trú tại phường X, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Chị N.T.N đơn phương xin ly hôn anh N.H.S, yêu cầu của chị N.T.N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N.T.N xác định tình cảm vợ chồng không còn là do anh N.H.S chơi lơ đãng, cờ bạc. Mặc dù đã được gia đình nội ngoại khuyên giải, chính quyền địa phương can thiệp nhưng anh N.H.S không thay đổi. Anh chị đã

từng gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng sau đó rút đơn về. Chị và anh N.H.S đã nhiều lần ly thân, lần ly thân gần nhất cách đây 01 năm. Chị không còn tình cảm và không muốn chung sống với anh N.H.S nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.H.S. Bản thân anh N.H.S thừa nhận việc có chơi lô đề, nhưng anh đã không chơi cách đây 03 tháng. Có việc năm 2017, anh chị đã từng gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng sau đó rút đơn về. Vợ chồng nhiều lần sống ly thân đúng như chị N.T.N nói. Vì vẫn còn tình cảm với vợ, anh xin thay đổi và có thời gian để vợ chồng đoàn tụ; Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng không cải thiện, hai vợ chồng ly thân thời gian dài, anh N.H.S cũng không có biện pháp gì khác để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu ly hôn của chị N.T.N là chính đáng. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Chị N.T.N và anh N.H.S có 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017. Khi ly hôn anh chị đồng ý giao cả 02 con để chị N.T.N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N.H.S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền lợi chính đáng của các con. Xuất phát từ quyền lợi của cháu N.N.Đ và cháu N.Đ.A cũng như việc chứng minh thu nhập và nơi ăn ở của anh chị, thấy rằng: Chị N.T.N có công việc và thu nhập ổn định, anh N.H.S đang tìm công việc mới. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng cụ thể, điều kiện nuôi con của chị N.T.N tốt hơn và các con còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cả 02 cháu cho chị N.T.N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, bản thân cháu N.N.Đ cũng có mong muốn được sống cùng mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N.H.S: Giao cả 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017 để chị N.T.N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh N.H.S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

- *Về tài sản chung, công sức, công nợ chung*: Anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị N.T.N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh N.H.S và chị N.T.N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39, 146, 147, 227, 228, 262, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;  
Áp dụng Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.N. Tuyên bố chị N.T.N được ly hôn với anh N.H.S.

2. Về con chung: Chị N.T.N và anh N.H.S có 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N.H.S, giao cả 02 con chung là cháu N.N.Đ, sinh ngày 24/01/2005 và cháu N.Đ.A, sinh ngày 20/12/2017 để chị N.T.N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N.H.S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

Anh N.H.S được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không

4. Về án phí: Chị N.T.N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N.T.N đã nộp theo biên lai số AA/2020/0043258 ngày 21/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị N.T.N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N.T.N, anh N.H.S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS quận Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án quận Bắc Từ Liêm;
- UBND phường X, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Minh Thu**